

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo Pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 13 ngày 1 tháng 11 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Mai Xuân Phong	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên (miễn nhiệm Chủ tịch và bổ nhiệm thành viên ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Hữu Quý Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Trần Hoàng Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hải Yến	Trưởng ban
Bà Lã Thị Quy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Bà Mai Thị Mai Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)
Ông Trần Phước Thái	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Trương Sỹ Toàn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ông Kek Chin Ann	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Bà Phạm Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Người đại diện theo Pháp luật

Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Ông Bùi Quốc Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021)

Trụ sở chính

Số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") theo Giấy ủy quyền số 09 ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo Pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 37. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Trương Sỹ Toàn
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Người đại diện theo Pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 18 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Người đại diện theo Pháp luật

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo Pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo Pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

*Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội
Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 28 3823 0796, www.pwc.com/vn*

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
0298-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2957
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2022



Bùi Phương Hạnh
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
3823-2021-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		249.648.345.779	212.850.906.411
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	930.098.754	5.380.711.054
111	Tiền		930.098.754	5.380.711.054
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		47.453.806.504	30.886.202.907
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5(a)	46.874.945.547	29.279.847.320
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.086.051.776	2.961.534.740
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	8.027.656.796	7.080.876.864
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(9.534.847.615)	(8.436.056.017)
140	Hàng tồn kho	8	199.992.387.611	174.915.409.710
141	Hàng tồn kho		203.177.481.279	176.008.638.543
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.185.093.668)	(1.093.228.833)
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.272.052.910	1.668.582.740
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	856.517.714	527.221.742
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(a)	415.535.196	1.141.360.998
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		58.167.191.438	64.291.131.260
210	Các khoản phải thu dài hạn		1.743.461.883	2.237.079.473
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	5(b)	793.617.591	1.587.235.181
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	1.306.083.292	649.844.292
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7	(356.239.000)	-
220	Tài sản cố định		37.829.672.322	37.037.300.641
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	24.915.328.032	23.639.242.231
222	Nguyên giá		112.399.297.747	106.490.316.055
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(87.483.969.715)	(82.851.073.824)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	12.914.344.290	13.398.058.410
228	Nguyên giá		14.134.262.202	14.134.262.202
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.219.917.912)	(736.203.792)
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	6.617.163.883
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	-	6.617.163.883
250	Đầu tư tài chính dài hạn		15.110.926.449	15.110.926.449
251	Đầu tư vào công ty con	4	15.110.926.449	15.110.926.449
260	Tài sản dài hạn khác		3.483.130.784	3.288.660.814
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	3.483.130.784	3.288.660.814
270	TỔNG TÀI SẢN		307.815.537.217	277.142.037.671

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		192.344.215.880	170.965.804.713
310	Nợ ngắn hạn		187.927.730.824	165.685.581.637
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	60.555.670.224	73.588.005.125
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.179.808.030	777.802.063
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(b)	6.050.954.529	8.112.041.224
314	Phải trả người lao động	14	6.552.202.073	819.680.602
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	15.682.503.778	7.313.697.785
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	841.381.418	1.611.400.435
320	Vay ngắn hạn	17(a)	89.914.430.292	69.870.943.427
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	3.400.000.000	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	3.750.780.480	3.592.010.976
330	Nợ dài hạn		4.416.485.056	5.280.223.076
337	Phải trả dài hạn khác		372.500.163	282.500.163
338	Vay dài hạn	17(b)	-	1.139.569.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn	20	4.043.984.893	3.858.153.913
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		115.471.321.337	106.176.232.958
410	Vốn chủ sở hữu		115.471.321.337	106.176.232.958
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21,22	50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	15.753.387.350	15.753.387.350
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	29.020.260.148	29.020.260.148
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	20.697.673.839	11.402.585.460
421a	- LNST chưa phân phối/ (Lỗ sau thuế) lũy kế của các năm trước		152.585.460	(50.887.809)
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		20.545.088.379	11.453.473.269
440	TỔNG NGUỒN VỐN		307.815.537.217	277.142.037.671



Bùi Thị Hương
Kế toán trưởng/Người lập



Trương Sỹ Toàn
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	556.206.530.798	488.138.360.437
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(17.003.420.814)	(4.100.871.756)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	539.203.109.984	484.037.488.681
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(387.040.053.286)	(365.041.669.482)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.163.056.698	118.995.819.199
21	Doanh thu hoạt động tài chính	11.069.930	71.509.759
22	Chi phí tài chính	(5.175.647.108)	(4.195.233.726)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(4.414.615.561)	(3.602.134.617)
25	Chi phí bán hàng	(94.386.640.296)	(79.765.217.232)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(25.833.191.850)	(20.158.355.670)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.778.647.374	14.948.522.330
31	Thu nhập khác	604.222.512	171.817.153
32	Chi phí khác	(320.158.693)	(273.530.729)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	284.063.819	(101.713.576)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.062.711.193	14.846.808.754
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(6.517.622.814)	(3.393.335.485)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.545.088.379	11.453.473.269



Bùi Thị Hương
Kế toán trưởng/Người lập



Trương Sỹ Toàn
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.062.711.193	14.846.808.754
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	5.116.610.011	4.603.340.468
03	Các khoản dự phòng	7.132.726.413	96.924.843
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(5.392.814)	(45.297.074)
06	Chi phí lãi vay	4.414.615.561	3.602.134.617
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	43.721.270.364	23.103.911.608
09	Tăng các khoản phải thu	(16.967.519.603)	(7.032.663.636)
10	Tăng hàng tồn kho	(27.168.842.736)	(48.199.875.093)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(358.599.415)	29.796.321.567
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(523.765.942)	445.858.791
14	Tiền lãi vay đã trả	(4.390.811.750)	(3.567.407.153)
15	Thuế TNDN đã nộp	(7.164.217.074)	(988.907.355)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(591.230.496)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(13.443.716.652)	(6.442.761.271)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(954.631.827)	(15.320.443.436)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.392.814	45.297.074
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(949.239.013)	(15.275.146.362)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu đi vay	370.356.914.593	340.559.007.027
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(351.452.996.728)	(319.269.349.009)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(8.961.574.500)	(4.999.431.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	9.942.343.365	16.290.227.018
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(4.450.612.300)	(5.427.680.615)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 5.380.711.054	10.808.391.669
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 930.098.754	5.380.711.054

Huong

Bùi Thị Hương
Kế toán trưởng/Người lập



Trương Sỹ Toàn
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 13) ngày 1 tháng 11 năm 2021.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm các cổ đông nắm giữ cổ phiếu của Công ty. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 21.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là CAN.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 21/2017/NQ-HĐQT, số 22/2017/NQ-HĐQT và số 27/2017/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2017, Ban Lãnh đạo đã quyết định đóng cửa ba chi nhánh:

- Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng, địa chỉ tại 150 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 30 Lý Long Tường, Khu phố Mỹ Quang – H30, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, địa chỉ tại số 80B Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các thủ tục đóng cửa chi nhánh tại TP Hà Nội và Đà Nẵng đã hoàn thành. Các thủ tục đóng cửa chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh vẫn đang được tiến hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai Công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	Chế biến, bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, thịt và các sản phẩm từ thịt, rau củ quả, sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy hải sản.	Lô C3-4, C3-5, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100%	100%
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	Số 69, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 694 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 545 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán: Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.8 Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Người đại diện theo Pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	7% - 33%
Máy móc, thiết bị	8% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 50%
Thiết bị văn phòng	14% - 50%
Phần mềm	20%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản cố định và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán riêng này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần phải lập là 6.083.946.400 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6.653.768.550 Đồng).

2.17 Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng

Dự phòng được lập cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo nguyên tắc được trình bày tại Thuyết minh 2.15 và các quy định hiện hành có liên quan.

Số dư của khoản dự phòng này được xác định bằng giá trị hiện tại của tổng ước tính chi phí cần thiết để hoàn tất nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê. Giá trị dự phòng tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính của kỳ báo cáo.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.19 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các nhà cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian cho thuê đã thực hiện.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán riêng nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.26 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.27 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Người đại diện theo Pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định (Thuyết minh 2.9);
- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 7);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 8); và
- Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng (Thuyết minh 2.17 và Thuyết minh 20).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Người đại diện theo Pháp luật đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Tiền mặt	94.100.106	819.093.648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	835.998.648	4.561.617.406
	<u>930.098.754</u>	<u>5.380.711.054</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Mẫu số B 09 - DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty con

	31.12.2021		31.12.2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng (Thuyết minh 31(b))	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Trường mầm non Công ty Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh 31(b))	110.926.449	110.926.449	110.926.449	110.926.449
	<u>15.110.926.449</u>	<u>15.110.926.449</u>	<u>15.110.926.449</u>	<u>15.110.926.449</u>
		Dự phòng VND		Dự phòng VND
		-		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG****(a) Ngắn hạn**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba (*)	46.081.327.957	28.486.229.730
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	793.617.590	793.617.590
	<u>46.874.945.547</u>	<u>29.279.847.320</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 7(a))	(1.220.622.107)	(1.172.580.199)
	<u>45.654.323.440</u>	<u>28.107.267.121</u>

(*) Chi tiết cho những khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu của khách hàng như sau:

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	13.128.788.837	4.476.207.362
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phở Việt	5.395.536.000	8.756.448.800
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Andy	4.864.933.221	-
Công ty TNHH Dịch vụ EB	3.923.446.412	2.744.560.118

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.587.235.181	2.380.852.771
Chuyển sang phải thu ngắn hạn (Thuyết minh 5(a))	(793.617.590)	(793.617.590)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 31(b)) (*)	<u>793.617.591</u>	<u>1.587.235.181</u>

(*) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng, công ty con, liên quan đến việc bán máy móc thiết bị theo hợp đồng số 877-HĐMB/ĐHHL/2012 ngày 1 tháng 9 năm 2012 với giá trị 8.994.332.688 Đồng và được thanh toán trong 12 kỳ thanh toán, bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	984.548.940	182.178.924
Khác	1.584.853.606	1.440.443.690
	<u>8.027.656.796</u>	<u>7.080.876.864</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 7)	(7.471.791.170)	(6.487.742.230)
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Dự phòng cho khoản phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)</i>	(5.458.254.250)	(5.458.254.250)
- <i>Dự phòng cho khoản phải thu khác</i>	(2.013.536.920)	(1.029.487.980)
	<u>555.865.626</u>	<u>593.134.634</u>

(*) Phải thu từ các cá nhân và dự phòng tương ứng liên quan đến thuế GTGT phải nộp Nhà nước là 5.458.254.250 Đồng được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 tháng 1 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh 13).

(b) Dài hạn

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba	949.844.292	649.844.292
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	356.239.000	-
	<u>1.306.083.292</u>	<u>649.844.292</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Note 7)	(356.239.000)	-
	<u>949.844.292</u>	<u>649.844.292</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

7 NỢ KHÓ ĐÒI

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	31.12.2021		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán:			
a) Ngắn hạn			
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.362.790.727	7.142.168.620	1.220.622.107
ii) Phải thu ngắn hạn khác	7.471.791.170	-	7.471.791.170
iii) Trả trước cho người bán ngắn hạn	842.434.338	-	842.434.338
	<u>16.677.016.235</u>	<u>7.142.168.620</u>	<u>9.534.847.615</u>
b) Dài hạn			
iv) Phải thu dài hạn khác	356.239.000	-	356.239.000
	<u>17.033.255.235</u>	<u>7.142.168.620</u>	<u>9.891.086.615</u>

	31.12.2020		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán:			
a) Ngắn hạn			
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.402.923.187	8.230.342.988	1.172.580.199
ii) Phải thu ngắn hạn khác	6.487.742.230	-	6.487.742.230
iii) Trả trước cho người bán ngắn hạn	800.284.338	24.550.750	775.733.588
	<u>16.690.949.755</u>	<u>8.254.893.738</u>	<u>8.436.056.017</u>
b) Dài hạn			
iv) Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	<u>16.690.949.755</u>	<u>8.254.893.738</u>	<u>8.436.056.017</u>

Biến động về dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	8.436.056.017	8.524.687.898
Tăng dự phòng	1.648.319.562	533.903.200
Hoàn nhập dự phòng	(193.288.964)	-
Xóa sổ khoản phải thu khách hàng	-	(622.535.081)
Số dư cuối năm	<u>9.891.086.615</u>	<u>8.436.056.017</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

8 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2021		31.12.2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.515.398.399	-	-	-
Nguyên vật liệu	105.853.032.377	(1.666.299.478)	105.893.140.657	(433.720.621)
Công cụ, dụng cụ	6.313.506.035	(668.519.764)	1.909.191.138	(342.577.814)
Chi phí SXKD dở dang	9.583.346.255	(739.329.052)	1.808.889.470	-
Thành phẩm	56.141.175.857	(103.469.228)	42.393.290.100	(316.930.398)
Hàng hóa	23.771.022.356	(7.476.146)	24.004.127.178	-
	<u>203.177.481.279</u>	<u>(3.185.093.668)</u>	<u>176.008.638.543</u>	<u>(1.093.228.833)</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.185.093.668)		(1.093.228.833)	
	<u>199.992.387.611</u>		<u>174.915.409.710</u>	

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.093.228.833	1.093.503.089
Tăng dự phòng	2.348.755.138	-
Hoàn nhập dự phòng	(256.890.303)	(274.256)
Số dư cuối năm	<u>3.185.093.668</u>	<u>1.093.228.833</u>

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31.12.2021	31.12.2020
	VND	VND
(a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	62.060.641	59.388.432
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	47.299.585	28.392.221
Khác	747.157.488	439.441.089
	<u>856.517.714</u>	<u>527.221.742</u>
b) Dài hạn		
Nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	2.530.174.714	2.678.970.466
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	502.724.444	377.274.137
Khác	450.231.626	232.416.211
	<u>3.483.130.784</u>	<u>3.288.660.814</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 - DN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	34.635.241.384	66.067.187.255	3.451.036.396	2.336.851.020	106.490.316.055
Mua mới trong năm	234.959.500	750.935.227	-	-	985.894.727
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 11)	-	4.923.086.965	-	-	4.923.086.965
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	34.870.200.884	71.741.209.447	3.451.036.396	2.336.851.020	112.399.297.747
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(32.630.897.409)	(44.665.528.182)	(3.217.797.213)	(2.336.851.020)	(82.851.073.824)
Khấu hao trong năm	(405.719.084)	(4.105.486.811)	(121.689.996)	-	(4.632.895.891)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	(33.036.616.493)	(48.771.014.993)	(3.339.487.209)	(2.336.851.020)	(87.483.969.715)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	2.004.343.975	21.401.659.073	233.239.183	-	23.639.242.231
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.833.584.391	22.970.194.454	111.549.187	-	24.915.328.032

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết là 59.428.379.337 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 59.333.796.977 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 8.781.825.892 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 14.447.524.686 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.987.672.202	2.146.590.000	14.134.262.202
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	11.987.672.202	2.146.590.000	14.134.262.202
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	(736.203.792)	(736.203.792)
Khấu hao trong năm		(483.714.120)	(483.714.120)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	(1.219.917.912)	(1.219.917.912)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.987.672.202	1.410.386.208	13.398.058.410
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	11.987.672.202	926.672.088	12.914.344.290

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định với mục đích ban đầu để xây dựng nhà máy, bao gồm:

- i) Quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 10.306 m² tại lô C3-4 và C3-5 thuộc khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 Đồng;
- ii) Quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 290,7 m² tại thửa số 1 địa chỉ số 43/1 đường Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 729.000.000 Đồng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB ĐN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng, thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Đà Nẵng (giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 Đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, công ty con, với Ngân hàng.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.2019/HDTG-CAN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nam Hải Phòng, thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Nha Trang (giá trị ghi sổ là 729.000.000 Đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty với Ngân hàng (Thuyết minh 17).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Máy móc đang chờ lắp đặt	-	4.790.021.065
Xây dựng và cải tạo trường mầm non	-	1.827.142.818
	<u>-</u>	<u>6.617.163.883</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	6.617.163.883	45.500.000
Tăng	133.065.900	7.483.795.083
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(4.923.086.965)	(912.131.200)
Phân loại lại sang thuế GTGT được khấu trừ	(121.471.000)	-
Chuyển sang Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh 31(a)) (*)	(1.705.671.818)	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>6.617.163.883</u>

(*) Đây là khoản trả hộ liên quan đến công trình xây dựng cho Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long. Công trình hoàn thành vào ngày 21 tháng 11 năm 2020 theo Biên bản bàn giao số 03/NT-QT và chuyển thành TSCĐ của Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long theo Quyết định Bàn giao số 111/2021/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 6 năm 2021.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba (*)	44.395.888.871	71.208.436.945
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	16.159.781.353	2.379.568.180
	<u>60.555.670.224</u>	<u>73.588.005.125</u>

(*) Chi tiết cho những nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	<u>31.006.382.190</u>	<u>54.403.016.970</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 - DN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nợ Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Phải thu					
Thuế GTGT đầu vào	-	23.179.584.638	-	(23.179.584.638)	-
Tiền thuế đất (*)	1.141.360.998	(725.825.802)	-	-	415.535.196
	<u>1.141.360.998</u>	<u>22.453.758.836</u>	<u>-</u>	<u>(23.179.584.638)</u>	<u>415.535.196</u>
(b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	3.287.220.691	56.531.902.317	(34.235.034.891)	(23.179.584.638)	2.404.503.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.035.138.081	6.517.622.814	(7.164.217.074)	-	2.388.543.821
Thuế thu nhập cá nhân	151.800.714	2.134.135.141	(2.153.033.311)	-	132.902.544
Thuế GTGT (**)	668.254.250	-	(668.254.250)	-	-
Phạt nộp chậm thuế GTGT	969.627.488	183.185.176	(27.807.979)	-	1.125.004.685
Các khoản phải nộp khác	-	102.224.000	(102.224.000)	-	-
	<u>8.112.041.224</u>	<u>65.469.069.448</u>	<u>(44.350.571.505)</u>	<u>(23.179.584.638)</u>	<u>6.050.954.529</u>

(*) Vào ngày 24 tháng 7 năm 2019, Công ty đã nhận một thông báo đánh giá lại một nghĩa vụ thuế của mình, theo đó, số tiền thuế đất Công ty đã nộp thừa là 2.493.831.000 Đồng. Công ty sẽ được cán trừ số tiền nộp thừa cho nghĩa vụ thuế và tiền thuế đất tương ứng trong tương lai.

(**) Khoản mục này phản ánh số thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh 6). Trong năm, Công ty đã trả nốt phần còn lại là 668.254.250 Đồng cho cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Lương, thưởng phải trả cho người lao động	6.552.202.073	819.680.602

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	10.962.643.233	2.584.549.933
Chi phí thưởng cho nhân viên	1.861.965.246	2.288.227.829
Khác	2.857.895.299	2.440.920.023
	<u>15.682.503.778</u>	<u>7.313.697.785</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Phải trả Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh (31(b)))	-	837.613.500
Kinh phí công đoàn	110.503.592	291.009.744
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 31(b))	111.519.750	73.094.250
Khác	619.358.076	409.682.941
	<u>841.381.418</u>	<u>1.611.400.435</u>

11/21 0 2 7 1/6/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 - DN

17 VAY

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Giải ngân VND	Thanh toán VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Ngắn hạn					
Vay ngân hàng (*)	69.870.943.427	366.823.860.593	(351.452.996.728)	4.672.623.000	89.914.430.292
(b) Dài hạn					
Vay ngân hàng (*)	1.139.569.000	3.533.054.000	-	(4.672.623.000)	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản vay của Công ty bao gồm:

Bên cho vay và hợp đồng vay	Số dư tại 31.12.2021 VND	Thời hạn hoàn trả góc và lãi vay	Lãi suất	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
(i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	29.213.550.578	Gốc vay trả trong vòng 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 10(a) và 10(b))
(ii) Hợp đồng vay đề tháng 4 năm 2021 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	49.951.770.586	Gốc vay trả trong vòng 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	6,3%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a)) và quyền sử dụng đất tại 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
(iii) Hợp đồng vay đề ngày 20 tháng 8 năm 2021 Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	10.749.109.128	Gốc vay trả trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng.	7%/năm	Tài trợ vốn lưu động	Không đảm bảo
Hợp đồng vay đề ngày 18 tháng 1 năm 2022	89.914.430.292				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Phải trả người lao động (*)	3.400.000.000	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện ghi nhận khoản dự phòng tiền lương người lao động cho năm 2021 dựa trên Quyết định số 238/QĐ/ĐHHL của Tổng giám đốc Công ty.

19 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.592.010.976	2.885.210.976
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 22) (*)	750.000.000	750.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(591.230.496)	(43.200.000)
Số dư cuối năm	3.750.780.480	3.592.010.976

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2021.

20 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Dự phòng khôi phục và hoàn trả mặt bằng (*)	4.043.984.893	3.858.153.913

(*) Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê tại số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TĐ ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Địa chính Thành phố Hải Phòng, theo đó Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê. Việc thu dọn bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

Biến động dự phòng phải trả trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.858.153.913	3.672.322.933
Lãi suất	185.830.980	185.830.980
Số dư cuối năm	4.043.984.893	3.858.153.913

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỢP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2021	31.12.2020
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2021		31.12.2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn nhà nước	1.387.360	27,75	1.387.360	27,75
Phần vốn của các đối tượng khác	3.612.640	72,25	3.612.640	72,25
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	100	5.000.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 - DN

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	6.449.112.191	101.222.759.689
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	11.453.473.269	11.453.473.269
Chia cổ tức	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Thường khác	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	11.402.585.460	106.176.232.958
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	20.545.088.379	20.545.088.379
Chia cổ tức (Thuyết minh 23) (*)	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19) (*)	-	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Thường khác (*)	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	20.697.673.839	115.471.321.337

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2021, LNST chưa phân phối của năm 2020 được sử dụng cho chia cổ tức với số tiền là 9.000.000.000 Đồng (Thuyết minh 23); trích 750.000.000 Đồng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19); và thường 1.500.000.000 Đồng vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2020 cho Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****23 CỐ TỨC**

Cổ tức cổ phiếu thường đã công bố là 9.000.000.000 Đồng căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 6 năm 2021 là 18% mệnh giá cổ phiếu phổ thông (tương đương 1.800 Đồng trên một cổ phiếu phổ thông nắm giữ).

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm bao gồm số ngoại tệ là 10 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10 Đô la Mỹ).

25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	471.860.856.675	396.127.085.970
Doanh thu bán hàng hóa	84.345.674.123	92.011.274.467
	<u>556.206.530.798</u>	<u>488.138.360.437</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(14.631.194.475)	(3.243.887.104)
Hàng bán trả lại	(2.372.226.339)	(856.984.652)
	<u>(17.003.420.814)</u>	<u>(4.100.871.756)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	454.857.435.861	392.121.485.506
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	84.345.674.123	91.916.003.175
	<u>539.203.109.984</u>	<u>484.037.488.681</u>

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	328.951.992.986	297.820.057.622
Giá vốn của hàng hóa đã bán	55.996.195.465	67.221.886.116
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.091.864.835	(274.256)
	<u>387.040.053.286</u>	<u>365.041.669.482</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền vay	4.414.615.561	3.602.134.617
Chi phí tài chính của nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	185.830.980	185.830.980
Khác	575.200.567	407.268.129
	<u>5.175.647.108</u>	<u>4.195.233.726</u>

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	45.220.871.316	27.702.923.498
Khấu hao tài sản cố định	29.337.015	36.296.597
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	15.536.478.591	9.955.268.578
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	21.279.883.303	32.794.716.839
Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	1.582.850.009	1.221.925.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.481.031.541	2.240.624.515
Công tác phí	2.586.484.553	3.235.255.722
Khác	1.669.703.968	2.578.205.765
	<u>94.386.640.296</u>	<u>79.765.217.232</u>

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	14.745.148.118	9.471.247.551
Khấu hao tài sản cố định	649.016.418	578.530.467
Thuế, phí và lệ phí	830.689.802	1.303.444.922
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	4.612.122.542	5.576.881.029
Dự phòng phải thu khó đòi	1.455.030.598	533.903.200
Công tác phí	800.229.923	764.331.204
Khác	2.740.954.449	1.930.017.297
	<u>25.833.191.850</u>	<u>20.158.355.670</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Số thuế thu nhập doanh nghiệp trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% được thể hiện như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.062.711.193	14.846.808.754
Thuế tính ở thuế suất 20%	5.412.542.239	2.969.361.751
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	358.709.229	359.453.789
- Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	746.371.346	64.519.945
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>6.517.622.814</u>	<u>3.393.335.485</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	6.517.622.814	3.393.335.485
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>6.517.622.814</u>	<u>3.393.335.485</u>

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	290.994.932.145	250.623.679.837
Chi phí mua hàng hóa	50.256.635.574	56.599.339.639
Chi phí nhân viên	106.661.678.548	78.662.924.382
Khấu hao tài sản cố định	5.116.610.011	4.603.340.468
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	15.536.478.591	9.955.268.578
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	21.279.883.303	32.794.716.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.597.139.994	15.715.024.102
Chi phí công tác phí	3.386.714.476	3.999.586.926
Khác	9.835.194.422	8.565.677.128
	<u>525.665.267.064</u>	<u>461.519.557.899</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
i) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng – Công ty con	51.993.787.400	53.573.209.391
ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Kek Chin Ann	1.358.633.485	1.854.979.797
Trương Sỹ Toàn (bổ nhiệm ngày 10.6.2021)	1.047.987.131	-
Phạm Thị Thu Nga (bổ nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021)	896.000.000	1.177.036.775
Bùi Quốc Hưng	403.612.225	297.027.027
Wilson Cheah Hui Pin	373.761.949	259.189.189
Phạm Thị Hải Yến	263.000.000	86.810.909
Mai Xuân Phong (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	227.556.782	278.108.108
Phạm Hữu Quý Lâm (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	219.673.899	259.189.189
Nguyễn Văn Bình (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	219.673.899	259.189.189
Trần Hoàng Lâm (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	219.673.899	259.189.189
Nguyễn Thành Trung (bổ nhiệm ngày 10.6.2021)	169.496.855	-
Trần Hữu Hoàng (bổ nhiệm ngày 4.6.2021)	154.088.050	-
Trần Phước Thái (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	132.833.333	75.000.000
Mai Thị Mai Hoa (miễn nhiệm ngày 4.6.2021)	75.833.333	25.000.000
Lã Thị Quy (bổ nhiệm ngày 4.6.2021)	29.166.667	-
Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ (bổ nhiệm ngày 4.6.2021)	29.166.667	-
Đặng Quốc Việt (miễn nhiệm ngày 5.3.2020)	-	75.639.314
Ngô Văn Duy Nhất (miễn nhiệm ngày 6.5.2020)	-	41.666.667
	<u>5.820.158.174</u>	<u>4.948.025.353</u>
iii) Các hoạt động tài chính		
Chia cổ tức cho cổ đông (Thuyết minh 23)		
- Cổ đông thuộc Nhà nước	2.497.248.000	1.387.360.000
- Các cổ đông khác	6.502.752.000	3.612.640.000
	<u>9.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
iv) Thu hộ chi hộ		
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long – Công ty con (Thuyết minh 11)	1.705.671.818	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5(a)) Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng - Công ty con	793.617.590	793.617.590
ii) Phải thu dài hạn của khách hàng (Thuyết minh 5(b)) Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng - Công ty con	793.617.591	1.587.235.181
iii) Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 4) Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng - Công ty con	15.000.000.000	15.000.000.000
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long - Công ty con	110.926.449	110.926.449
	15.110.926.449	15.110.926.449
iv) Phải thu khác (Thuyết minh 6) Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long - Công ty con		
• Ngắn hạn	984.548.940	182.178.924
• Dài hạn	356.239.000	-
v) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12) Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng - Công ty con	16.159.781.353	2.379.568.180
vi) Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16) Cổ tức phải trả cho cổ đông	111.519.750	73.094.250
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long - Công ty con	-	837.613.500
	111.519.750	910.707.750

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

32 **ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19**

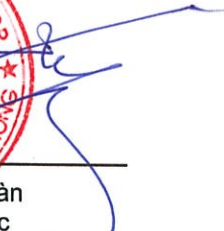
Sự lan rộng của dịch Covid-19 từ đầu năm 2021 là một khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Công ty. Tại ngày ký báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo Pháp luật của Công ty đã thực hiện đánh giá về tác động của dịch Covid-19 đối với hoạt động của Công ty, trong đó bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, giá trị của các tài sản và nợ phải trả và kết luận rằng Công ty có khả năng hoạt động bình thường trong vòng 12 tháng tới, ngoại trừ ảnh hưởng của các sự kiện bất khả kháng, mệnh lệnh hành chính do chính quyền ban hành và các yếu tố kinh tế vĩ mô. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Người đại diện theo Pháp luật phê chuẩn ngày 18 tháng 3 năm 2022.



Bùi Thị Hương
Kế toán trưởng/Người lập




Trương Sỹ Toàn
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

